

*Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT**

*Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán*

*Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007*



Được kiểm toán bởi

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (08). 8205.944 - 8205.947; Fax: 8205.942

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	03 - 04
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN	05 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	06 - 07
- Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	08 - 08
- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	09 - 09
- Bản Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 20





## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần May Xuất Khẩu Phan Thiết (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007.

### Công ty

Công ty Cổ Phần May Xuất Khẩu Phan Thiết được thành lập theo Quyết định số 1672/QĐ-CTUBBT ngày 08 tháng 07 năm 2002 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4803000009 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 22 tháng 09 năm 2002, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 31 tháng 10 năm 2007.

Ngày 05/02/2007 Công ty Cổ Phần May Xuất Khẩu Phan Thiết đã đầu tư thành lập Công ty con (100% vốn) là Công ty TNHH một thành viên May Phú Long (theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4804000018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Thuận cấp).

**Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:** Sản xuất công nghiệp, kinh doanh - Thương mại.

### Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

Sản xuất quần áo may sẵn, may gia công, dịch vụ thương mại, xây dựng và đầu tư

### Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần May Phan Thiết, do các cổ đông là pháp nhân và thể nhân góp vốn, vốn điều lệ của Công ty được xác định vào thời điểm 31/12/2007 là 15.165.400.000 VNĐ (Mười lăm tỷ một trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm ngàn đồng).

### Hội đồng Quản trị Công ty

	Chức vụ
Ông Huỳnh Văn Nghi	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Bình	Phó chủ tịch
Ông Phạm Thu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Phụng	Thành viên
Ông Đỗ Nguyễn Thy Linh	Thành viên

### Ban Kiểm soát

	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Rức	Trưởng ban
Ông Đoàn Tấn Kiểu	Phó ban
Ông Nguyễn Hoàng Quốc Phương	Thành viên

### Ban Giám đốc

	Chức vụ
Ông Huỳnh Văn Nghi	Tổng Giám Đốc
Ông Đỗ Nguyễn Thy Linh	Phó Tổng Giám đốc

### Kế toán trưởng:

Bà Ngô Thị Nam

### Tình hình kinh doanh của Công ty

Mặc dù tình hình sản xuất kinh doanh trong năm qua gặp nhiều khó khăn, nhưng tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn đạt được tương đối khả quan, chỉ tiêu doanh thu năm 2007 là : 42.784.673.648 đồng, lợi nhuận trước thuế là : 2.449.622.472 đồng.





**Các sự kiện phát sinh sau ngày khoá sổ lập báo cáo tài chính.**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**Kiểm toán viên**

Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2007 của Công ty Cổ Phần May Xuất Khẩu Phan Thiết.

**Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh, cũng như Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Trong năm 2007, Công ty Cổ Phần May Xuất Khẩu Phan Thiết là chủ đầu tư (100% vốn) vào công ty con là Công ty TNHH May Phú Long (sau đây gọi tắt là Công ty Phú Long). Do Công ty chưa hoàn tất giai đoạn đầu tư, bàn giao vốn cho Công ty Phú Long nên Báo cáo tài chính năm 2007 của Công ty Cổ Phần May Xuất Khẩu Phan Thiết không phát sinh yêu cầu hợp nhất theo chuẩn mực kế toán Việt Nam. Nội dung khoản chi phí đầu tư vào Công ty Phú Long hiện được Công ty theo dõi trên khoản mục đầu tư xây dựng cơ bản dở dang, quá trình hoàn tất đầu tư và bàn giao vốn dự kiến sẽ thực hiện vào niên độ sau.

Bình Thuận, Ngày 07 tháng 01 năm 2008

TM. Ban Giám đốc Công ty  
Tổng Giám đốc  
  
Huỳnh Văn Nghi

02050  
CÔNG  
H NHIỆM  
V TƯ VẤN  
ÁN VÀ KI  
HÍA N  
TP. HỒ





Số : 37.../BCKT/TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

*Về Báo cáo tài chính năm 2007 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007  
của Công ty Cổ Phần May Xuất Khẩu Phan Thiết*

**Kính gửi:** Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần May Xuất Khẩu Phan Thiết

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ Phần May Xuất Khẩu Phan Thiết được lập ngày 07/01/2008 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2007, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 được trình bày từ trang 06 đến trang 20 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.


**Cơ sở ý kiến:**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

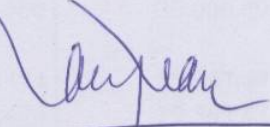
**Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần May Xuất Khẩu Phan Thiết tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả kinh doanh, cũng như luồng tiền lưu chuyển cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 02 năm 2008

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs)**  
**Tổng Giám đốc**  
  
**Đỗ Khắc Thanh**  
Chứng chỉ KTV số: D0064/KTV



**Kiểm toán viên**  
  
**Lê Văn Tuấn**  
Chứng chỉ KTV số: 0479/KTV





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>11.747.064.304</b>	<b>12.479.141.279</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>1</b>	<b>872.226.565</b>	<b>1.541.344.758</b>
1. Tiền	111		872.226.565	1.541.344.758
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>2</b>	<b>6.524.094.399</b>	<b>9.038.276.069</b>
1. Phải thu khách hàng	131	2.1	6.493.253.618	8.989.063.194
2. Trả trước cho người bán	132		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	2.2	30.840.781	49.212.875
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>3</b>	<b>1.497.138.454</b>	<b>1.571.712.950</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.497.138.454	1.571.712.950
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.853.604.886</b>	<b>327.807.502</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		220.930.491	103.998.845
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		465.281.418	153.630.850
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	4	-	53.097.174
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	5	2.167.392.977	17.080.633
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>25.619.713.872</b>	<b>9.892.482.666</b>
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>25.552.476.398</b>	<b>9.772.915.195</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	4.387.490.802	4.637.860.345
- Nguyên giá	222		15.914.707.347	14.504.676.093
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(11.527.216.545)	(9.866.815.748)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	7	2.868.381.600	2.896.051.200
- Nguyên giá	228		3.009.035.400	3.009.035.400
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(140.653.800)	(112.984.200)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	18.296.603.996	2.239.003.650
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>9</b>	<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>
3. Đầu tư dài hạn khác	258		30.000.000	30.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>37.237.474</b>	<b>89.567.471</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	37.237.474	89.567.471
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>37.366.778.176</b>	<b>22.371.623.945</b>





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>21.053.630.673</b>	<b>11.027.262.744</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>11</b>	<b>6.442.378.682</b>	<b>6.276.800.351</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11.1	1.892.175.849	2.235.319.550
2. Phải trả người bán	312	11.2	1.594.615.503	950.306.635
3. Người mua trả tiền trước	313			
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11.3	27.027.644	
5. Phải trả người lao động	315	11.4	2.426.745.558	2.525.467.068
6. Chi phí phải trả	316	11.5	183.667.000	270.872.000
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	11.6	318.147.128	294.835.098
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>12</b>	<b>14.611.251.991</b>	<b>4.750.462.393</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	12.1	14.331.996.445	4.500.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	12.2	279.255.546	250.462.393
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>16.313.147.503</b>	<b>11.344.361.201</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>13</b>	<b>16.318.743.570</b>	<b>11.662.516.709</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		15.165.400.000	5.182.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.700.000	2.700.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		14.700.000	14.700.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.135.943.570	6.463.116.709
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>(5.596.067)</b>	<b>(318.155.508)</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		(5.596.067)	(318.155.508)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>37.366.778.176</b>	<b>22.371.623.945</b>

35066  
NG T  
HIỆM HỮ  
VẬN TÀ  
VÀ KIỂM  
A HAI  
HỒ C

Ghi chú: Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (\*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
5. Ngoại tệ các loại - Đô la Mỹ		7.132,14	86.468,39

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Thái Ngọc

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngô Thị Nam

Ngày 07 tháng 01 năm 2008

Tổng Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Huỳnh Văn Nghi



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	14	42.784.673.648	67.572.353.274
Trong đó: Doanh thu gia công			18.925.714.168	11.907.683.119
Doanh thu xuất khẩu trực tiếp			23.412.551.838	55.336.310.006
Doanh thu hàng nội địa			4.846.088	328.360.149
Doanh thu bán hàng hóa			441.561.554	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		42.784.673.648	67.572.353.274
4. Giá vốn hàng bán	11	15	37.383.917.599	56.180.842.202
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		5.400.756.049	11.391.511.072
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	154.429.898	82.641.967
7. Chi phí tài chính	22	17	470.473.244	1.026.333.463
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		434.904.841	989.676.252
8. Chi phí bán hàng	24		1.453.950.053	1.995.858.475
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.276.901.215	1.245.044.594
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		2.353.861.435	7.206.916.507
11. Thu nhập khác	31	18	100.209.394	169.129.761
12. Chi phí khác	32	19	4.448.357	12.643.804
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		95.761.037	156.485.957
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.449.622.472	7.363.402.464
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	237.462.247	474.921.872
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.212.160.225	6.888.480.592
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	21	1.543	13.293

Ghi chú: (\*) Chỉ tiêu này chỉ áp dụng đối với công ty cổ phần.

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Thái Ngọc

Kế toán trưởng,

(Ký, họ tên)

Ngô Thị Nam

Ngày 07 tháng 01 năm 2008

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Huyện Vân Nghi



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2007

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		2.449.622.472	7.363.402.464
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	2		1.688.070.397	1.438.604.512
- Các khoản dự phòng	3			(243.345.515)
- (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4			
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(56.329.005)	(82.641.967)
- Chi phí lãi vay	6		434.904.841	992.605.655
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		4.516.268.705	9.468.625.149
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	9		2.168.977.228	(2.739.588.930)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10		74.574.496	67.309.964
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		510.487.541	(601.124.552)
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12		(64.601.649)	217.129.285
- Tiền lãi vay đã trả	13		(434.904.841)	(992.605.655)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(95.978.793)	(460.302.619)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2.552.799.029)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.122.023.658	4.959.442.642
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(17.467.631.600)	(3.825.586.386)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		56.329.005	82.641.967
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(17.411.302.595)	(3.742.944.419)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		43.887.511.965	43.088.956.525
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(29.898.659.221)	(42.938.194.546)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.368.692.000)	(621.840.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		12.620.160.744	(471.078.021)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(669.118.193)	745.420.202
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.541.344.758	795.924.556
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	31	872.226.565	1.541.344.758

Ngày 07 tháng 01 năm 2008

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Thái Ngọc

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngô Thị Nam

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Huỳnh Văn Nghi



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

### I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần May Xuất Khẩu Phan Thiết được thành lập theo Quyết định số 1672/QĐ-CTUBBT ngày 08 tháng 07 năm 2002 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4803000009 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 22 tháng 09 năm 2002, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 31 tháng 10 năm 2007.

Ngày 05/02/2007 Công ty Cổ Phần May Xuất Khẩu Phan Thiết đã đầu tư thành lập Công ty con (100% vốn) là Công ty TNHH một thành viên May Phú Long (theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4804000018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Thuận cấp).

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp, kinh doanh - Thương mại.

### II Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

#### 1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### III Chế độ kế toán áp dụng

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Luật kế toán Việt Nam, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán của Bộ Tài Chính.

#### 2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán nhật ký chung.

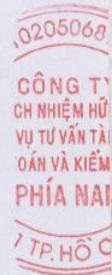
### IV Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty đã áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

### V Các chính sách kế toán áp dụng

#### 1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển:

##### 1.1. Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền





Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### 1.2. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

## 2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

**2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm. Các chi phí sản xuất chung được phân bổ trên cơ sở tiêu hao nguyên liệu trực tiếp.

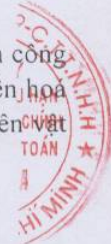
Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo phương pháp chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, Chi phí nhân công và Các Chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và Chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

**2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.





### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:

**3.1. Nguyên tắc ghi nhận:** Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

### 4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

#### 4.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**4.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:** Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	49 năm

### 5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Tỷ lệ vốn hoá chi phí lãi vay trong kỳ là: 0 %

### 6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

### 7. Ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là giảm trừ giá gốc đầu tư.





### 8. Ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.
- Lợi thế thương mại (không được vốn hóa thành tài sản)

### 9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### 10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

### 11. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

32050686  
CÔNG TY  
NHIỆM VỤ  
TƯ VẤN TÀI  
KIỂM SÁT  
HÍA NAM  
TP. HỒ CHÍ MINH



Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

*Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:*

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty .

## 12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

### 12.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

12.2. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## 13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.





I- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

*Đơn vị tính: VND*

<b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>1.1-Tiền mặt</b>	<b>5.211.482</b>	<b>15.118.218</b>
- Tiền VND	5.211.482	15.118.218
- Tiền ngoại tệ ( ghi chi tiết theo từng loại tiền)		
<b>1.2-Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>867.015.083</b>	<b>1.526.226.540</b>
Ngân hàng Công Thương Bình Thuận	256.729.379	1.526.226.540
+ Tiền VND	142.522.421	138.322.412
+ Tiền USD	114.206.958	1.387.904.128
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Bình Thuận	610.285.704	-
<b>Cộng tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>872.226.565</b>	<b>1.541.344.758</b>

<b>CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>2.1-Phải thu khách hàng</b>	<b>6.493.253.618</b>	<b>8.989.063.194</b>
- Công ty Federighi	1.789.283.145	2.653.155.640
- Công ty Genial	2.434.413.377	5.938.837.605
- Các công ty khác	2.269.557.096	397.069.949
<b>2.2-Các khoản phải thu khác</b>	<b>30.840.781</b>	<b>49.212.875</b>
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>6.524.094.399</b>	<b>9.038.276.069</b>

<b>HÀNG TỒN KHO</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Nguyên liệu, vật liệu	1.497.138.454	1.571.712.950

<b>THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Thuế TNDN nộp thừa	-	53.097.174

<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
6.1- Tạm ứng	50.634.507	17.080.633
6.2-Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.116.758.470	-
<b>Cộng tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>2.167.392.977</b>	<b>17.080.633</b>

**TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

<b>KHOẢN MỤC</b>	<b>Nhà cửa vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, TD</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ QL</b>	<b>Tổng Cộng</b>
Nguyên giá					
1 Số dư đầu năm	4.770.433.533	9.311.993.918	217.493.991	204.754.651	14.504.676.093
2 Số tăng trong năm	110.054.869	1.299.976.385	-	-	1.410.031.254
Bao gồm:					
- Mua trong năm	110.054.869	1.299.976.385	-	-	1.410.031.254
3 Giảm trong năm	-	-	-	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT**

Số 200 Nguyễn Hội - Tp. Phan Thiết - Tỉnh Bình Thuận

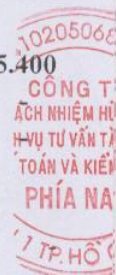
4 Số dư cuối năm	4.880.488.402	10.611.970.303	217.493.991	204.754.651	15.914.707.347
<b>II. Giá trị hao mòn LK</b>					
1 Số dư đầu năm	2.961.733.876	6.701.224.263	119.621.695	84.235.914	9.866.815.748
2 Tăng trong năm	407.953.148	1.186.973.069	32.624.100	32.850.480	1.660.400.797
- Khấu hao trong năm	407.953.148	1.186.973.069	32.624.100	32.850.480	1.660.400.797
- Tăng khác					-
3 Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4 Số dư cuối năm	3.369.687.024	7.888.197.332	152.245.795	117.086.394	11.527.216.545
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1 Tại ngày đầu năm	1.808.699.657	2.610.769.655	97.872.296	120.518.737	4.637.860.345
2 Tại ngày cuối năm	1.510.801.378	2.723.772.971	65.248.196	87.668.257	4.387.490.802

- Theo hợp đồng thế chấp số 07190006 ngày 27/02/2007 ký với Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Thuận, Công ty đã thế chấp toàn bộ nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị hiện có tại Công ty.

-Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 5.861.234.665

**TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

KHOẢN MỤC	Quyền sử dụng đất	Tổng Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>		
1 Số dư đầu năm	3.009.035.400	3.009.035.400
2 Số tăng trong năm		
<i>Bao gồm:</i>		
- Mua trong năm		
- Tăng khác		
3 Giảm trong năm		
<i>Bao gồm:</i>		
- Thanh lý, nhượng bán		
- Giảm khác		
4 Số dư cuối năm	3.009.035.400	3.009.035.400
<b>II. Giá trị hao mòn LK</b>		
1 Số dư đầu năm	112.984.200	112.984.200
2 Tăng trong năm	27.669.600	27.669.600
- Khấu hao trong năm	27.669.600	
- Tăng khác		
3 Giảm trong năm		
4 Số dư cuối năm	140.653.800	140.653.800
<b>III. Giá trị còn lại</b>		
1 Tại ngày đầu năm	2.896.051.200	2.896.051.200
2 Tại ngày cuối năm	2.868.381.600	2.868.381.600



**CHI PHÍ XDCB DỜ DANG**

- Công trình dự án Phú Long

Số cuối năm	Số đầu năm
18.296.603.996	2.239.003.650



CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>
- Trái phiếu (Chính phủ)	30.000.000	30.000.000
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>37.237.474</b>	<b>89.567.471</b>
- Chi phí sửa chữa, nâng cấp	37.237.474	89.567.471
<b>NỢ NGẮN HẠN</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>11.1-Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>1.892.175.849</b>	<b>2.235.319.550</b>
- Ngân hàng Công Thương Việt Nam - CN Bình Thuận	1.892.175.849	2.235.319.550
<i>Ghi chú:</i> Đây là khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng tín dụng số 07190006/HĐTD ngày 27/0202007. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng; lãi suất (VND) 11,4%/năm, lãi suất (USD) 7%/năm; hạn mức cho vay là 26 tỷ đồng.		
<b>11.2-Phải trả người bán</b>	<b>1.594.615.503</b>	<b>950.306.635</b>
<b>11.3-Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>	<b>27.027.644</b>	<b>-</b>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.027.644	-
Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.		
<b>11.4-Phải trả người lao động</b>	<b>2.426.745.558</b>	<b>2.525.467.068</b>
- Lương phải trả	2.426.745.558	2.525.467.068
<b>11.5-Chi phí phải trả :</b>	<b>183.667.000</b>	<b>270.872.000</b>
- Chi phí hướng dẫn kỹ thuật	73.507.000	156.932.000
- Chi phí điện nước	58.000.000	66.000.000
- Chi phí cước vận chuyển	34.160.000	31.940.000
- Chi phí kiểm toán	18.000.000	16.000.000
<b>11.6- Các khoản phải trả khác :</b>	<b>318.147.128</b>	<b>294.835.098</b>
- Kinh phí công đoàn	55.191.360	38.917.937
- Bảo hiểm XH	192.819.018	-
- Phải trả, phải nộp khác	70.136.750	255.917.161
<b>Cộng nợ ngắn hạn</b>	<b>6.442.378.682</b>	<b>6.276.800.351</b>
<b>2. NỢ DÀI HẠN</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>12.1-Vay và nợ dài hạn</b>	<b>14.331.996.445</b>	<b>4.500.000.000</b>
* Vay dài hạn	14.331.996.445	-
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Bình Thuận (*)	14.331.996.445	-
* Nợ dài hạn	-	4.500.000.000
- Nợ dài hạn khác	-	4.500.000.000



12.2- Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Cộng nợ dài hạn

279.255.546 250.462.393

14.611.251.991 4.750.462.393

**Ghi chú:** (\*) Là khoản vay dài hạn của Công ty CP May Xuất Khẩu Phan Thiết với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Bình Thuận theo hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước số 04/2007/HĐTĐ ngày 05/10/2007. Số tiền vay tối đa là 17.000.000.000 đồng; thời gian cho vay là 84 tháng; lãi suất 8,4%/năm.

VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn CP	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	6
Số dư đầu năm trước	5.000.000.000	2.700.000	14.700.000	5.027.577.248	10.044.977.248
Tăng vốn trong năm trước	182.000.000				182.000.000
Chi trong năm trước				6.888.480.592	6.888.480.592
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi				(377.577.248)	(377.577.248)
Chia cổ tức				(5.271.840.000)	(5.271.840.000)
Thuế TNDN được miễn nộp				178.914.350	178.914.350
Điều chỉnh tăng lãi năm 2005				18.796.873	18.796.873
Điều chỉnh thuế TNDN năm 2005				(1.235.106)	(1.235.106)
Số dư cuối năm trước					
Số dư đầu năm nay	5.182.000.000	2.700.000	14.700.000	6.463.116.709	11.662.516.709
Chia cổ tức 2005 bằng cổ phiếu	250.000.000			(250.000.000)	
Chia cổ tức 2006 bằng cổ phiếu	5.182.000.000			(5.182.000.000)	
Tăng vốn từ nguồn vay cổ đông	4.500.000.000				4.500.000.000
Tăng vốn do phát hành thêm cho BCNV	51.400.000				51.400.000
Chia cổ tức				(1.368.692.000)	(1.368.692.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi				(800.000.000)	(800.000.000)
Lợi nhuận sau thuế 2007				2.212.160.225	2.212.160.225
Thuế TNDN nộp thừa năm 2005				61.358.636	61.358.636
Số dư cuối năm nay	15.165.400.000	2.700.000	14.700.000	1.135.943.570	16.318.743.570

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Vốn góp của nhà nước

- Vốn góp của các đối tượng khác

Cộng vốn đầu tư của chủ sở hữu

Số cuối năm

Số đầu năm

-	-
15.165.400.000	5.182.000.000
<b>15.165.400.000</b>	<b>5.182.000.000</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

+ Vốn đầu tư của chủ SH

- Vốn góp đầu năm

- Vốn góp tăng trong năm

- Vốn góp giảm trong năm

- Vốn góp cuối năm

+ Cổ tức, lợi nhuận đã chia

Số cuối năm

Số đầu năm

5.182.000.000	5.000.000.000
9.983.400.000	182.000.000
-	-
15.165.400.000	5.182.000.000
1.213.232.000	600.000.000



+ Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	10%	15%
<b>e) Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
+ Số lượng cp đăng ký phát hành	1.516.540	518.200
+ Số lượng cp đã bán ra công chúng	1.516.540	518.200
- Cổ phiếu phổ thông	1.516.540	518.200
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Số lượng cp đang lưu hành	1.516.540	518.200
- Cổ phiếu phổ thông	1.516.540	518.200
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đ/cp		
<b>f) Các quỹ của doanh nghiệp</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Quỹ dự phòng tài chính	14.700.000	14.700.000
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>14. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	<b>42.784.673.648</b>	<b>67.572.353.274</b>
Trong đó:		
+ Doanh thu gia công	18.925.714.168	11.907.683.119
+ Doanh thu xuất khẩu trực tiếp	23.412.551.838	55.336.310.006
+ Doanh thu hàng nội địa	4.846.088	328.360.149
+ Doanh thu bán hàng hóa	441.561.554	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>	<b>37.383.917.599</b>	<b>56.180.842.202</b>
Giá vốn của thành phẩm đã bán		
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>154.429.898</b>	<b>82.641.967</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	56.329.005	32.512.014
Lãi chênh lệch tỷ giá	98.100.893	50.129.953
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>154.429.898</b>	<b>82.641.967</b>
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>	<b>470.473.244</b>	<b>1.026.333.463</b>
Lãi tiền vay	434.904.841	989.676.252
Lỗ do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	35.568.403	36.657.211
<b>Cộng chi phí tài chính</b>	<b>470.473.244</b>	<b>1.026.333.463</b>
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>18. THU NHẬP KHÁC</b>	<b>100.209.394</b>	<b>169.129.761</b>
Thu nhập từ việc bán phế liệu phế phẩm	88.969.641	200.000
Điều chỉnh tăng thu nhập do trích thừa chi phí phải trả	10.919.955	-
Thu nhập khác	319.798	168.929.761
<b>Cộng</b>	<b>100.209.394</b>	<b>169.129.761</b>
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>19. CHI PHÍ KHÁC</b>	<b>4.448.357</b>	<b>12.643.804</b>
Tiền nộp phạt	3.448.357	
Chi phí khác	1.000.000	12.643.804
<b>Cộng</b>	<b>4.448.357</b>	<b>12.643.804</b>



**21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.212.160.225	6.888.480.592
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ để phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.433.345	518.200
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>1.543</b>	<b>13.293</b>

**22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.539.670.014	34.651.261.680
- Chi phí nhân công	14.530.009.797	15.223.474.791
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.688.070.397	1.438.604.512
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	892.907.110	1.984.372.238
- Chi phí bằng tiền khác	6.733.260.281	2.883.128.981
<b>Cộng chi phí sản xuất theo yếu tố</b>	<b>37.383.917.599</b>	<b>56.180.842.202</b>

**23. SỐ LIỆU SO SÁNH**

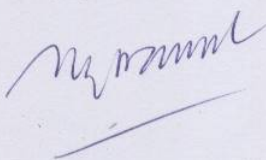
Số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 là số liệu báo cáo của đơn vị đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán AASC - nay được chuyển đổi thành Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam.

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)



**Thái Ngọc**

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)



**Ngô Thị Nam**

Ngày 07 tháng 01 năm 2008

**Tổng Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)



**Huỳnh Văn Nghi**

